TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11-11-2021

"V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Quyên.

2. Ông Trần Chí Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11-11-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc "tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích X, sinh năm 1975;

- Bị đơn: Trần Văn H, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Cở E, sinh năm 1971 - Đại diện hộ kinh doanh Cở Em.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Thị Tuyết, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

3. Nguyễn Văn S, sinh năm 1957;

4. Lê Thị V, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16-4-2018, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích X trình bày:

Chị X và anh H đã được Tòa án giải quyết ly hôn bằng quyết định số 95/2016/QĐST-HNGĐ ngày 07-9-2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận ngày 22-5-2017, nhưng do anh H không thực hiện theo tờ thỏa thuận là giao cho chị X 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8, nên chị X yêu cầu anh H phải chia cho chị 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 theo như thỏa thuận. Ngoài ra trong quá trình sống chung giữa chị và anh H còn có tài sản chung nền nhà diện tích 90m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã C và trong đơn khởi kiện chị có yêu cầu chia đôi, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị X xin rút không yêu cầu chia trong vụ án này.

Đối với yêu cầu phản tố của ông H thì chị X có ý kiến như sau:

+ Đối với diện tích nền nhà 106,2m^2 và căn nhà gỗ cất trên đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và tài sản trong nhà gồm 01 cái tủ nhôm đựng quần áo, 01 cái giường gỗ, 02 cái chuồng heo đối với tài sản này giữa chị X và anh H chưa chia. Tất cả tài sản này anh H và chị X thống nhất thỏa thuận giá trị là 200.000.000 đồng. Hiện chị X đang quản lý, chị X thống nhất di dời và giao toàn bộ tài sản trên cho anh H và thống nhất nhận giá trị 100.000.000 đồng.

+ Đối với phần tài sản chung mà anh H cho rằng vợ chồng có sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18 kara, chị X không thống nhất, vì không có tài sản này.

+ Đối với số tiền nợ vật tư nông nghiệp 10.000.000đồng của ông Cở E, chị X thống nhất trả 5.000.000 đồng. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

- Theo đơn khởi kiện phản tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Vào năm 2016 anh H và chị X được Tòa án giải quyết ly hôn bằng quyết định số 95/2016/QĐST-HNGĐ ngày 07-9-2016 nhưng lúc đó tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, đến ngày 22-5-2017 anh H với chị X tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, tất cả các tài sản chung trong tờ thỏa thuận này được hai bên thực hiện xong nhưng chỉ còn vấn đề tài sản chung 40 chỉ vàng 24 kara là số vàng cố đất bên campuchia, anh H nhận trách nhiệm lấy vàng và chia lại cho chị X 20 chỉ với điều kiện chị X phải ra khỏi nhà nhưng chị X không thực hiện nên anh H không chia 20 chỉ vàng cho chị X (hơn nữa 20 chỉ vàng này sau khi mãn hạn hợp đồng cố đất anh H đã nhận lại vàng và đem đi cố đất cho người khác nhưng sau khi cố đất người ta không trả lại nên vàng này hiện không còn). Nay qua yêu cầu của chị X anh H thống nhất trả cho chị X nhưng hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh xin được trả dần.

+ Khi phân chia tài sản chung với nhau thì giữa anh H với chị X chưa phân chia nền nhà 106,2m^2 và căn nhà gỗ cất trên đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và các tài sản trong nhà 01 cái tủ nhôm đựng quần áo, 01 cái giường gỗ, 02 cái chuồng heo vợ chồng cũng chưa chia tài sản chung. Nay anh H thống nhất toàn bộ nền nhà, nhà và các tài sản trong nhà có trị giá 200.000.000 đồng, anh H thống nhất nhận tài sản và chia cho chị X ½ giá trị là 100.000.000 đồng.

+ Ngoài ra vợ chồng còn có 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18 kara, anh H yêu cầu chia đôi. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H xin rút đối với yêu cầu này anh H không yêu cầu nữa.

- Đối với số nợ vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Văn Cở E, anh H thống nhất trả 5.000.000 đồng.

- Đối với nợ chị Nguyễn Thị Ngọc T 10.000.000 đồng. Nhưng hiện nay anh không cung cấp được địa chỉ thì sau này chị T có yêu cầu thì chị T sẽ khởi kiện sau.

- *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Cở E trình bày:* Vào năm 2015 ông có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng anh H để về làm lúa với số tiền là 10.000.000 đồng nhưng đến nay không trả, nay ông yêu cầu anh H, chị X mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông 5.000.000 đồng, không có lãi.

- *Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T:* Phần đất mà hiện nay chị X, với anh H đang tranh chấp tọa lạc tại ấp T, xã P là trước đây vợ chồng bà mua của một người nhưng không nhớ tên, sau đó vợ chồng bà bán lại cho vợ chồng X H, nhưng bà không nhớ bán năm nào, lúc mua bán với nhau không làm hợp đồng và chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên đất đã bán rồi thì nay là đất của X, H bà không tranh chấp. Còn đối với phần đất 0,2m^2 mà bà xây nhà tắm có lấn qua ranh đất của X, H nay bà tự nguyện thống nhất di dời và giao trả lại cho X, H. Bà không tranh chấp trong vụ án này.

- *Theo lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn S:* Phần đất 106,2m^2 hiện nay chị X, với anh H đang tranh chấp tọa lạc tại ấp T, xã P là có nguồn gốc của vợ chồng ông bà khai mở lâu lắm rồi, sau đó vợ chồng bán lại cho ông tên N, nhưng hiện nay ông N ở đâu ông, bà không biết, sau đó nghe nói chị X, anh H đã mua lại phần đất này và cất nhà ở từ đó cho đến nay. Phần đất này ông bà kê khai và nộp thuế nên được đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông bà vào năm 2013, nhưng hộ là gồm có ông S, bà V không liên quan đến các con của ông bà, nhưng từ khi chị X, anh H mua đất đến nay ông bà chưa làm thủ tục chuyển quyền qua cho anh H, chị X nên đất này là của vợ chồng X, H chứ không phải của ông bà. Nay anh H, chị X tranh chấp chia tài sản chung, ông S, bà V thống nhất chuyển quyền sử dụng đất qua cho anh H đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 106,2m^2 thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 15 và đồng ý thu hồi một phần diện tích đất này để cấp lại cho anh H theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn H chia cho chị Xuyên 20 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia phần đất nền nhà 5m x 15m tọa lạc tại ấp 2, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Bích X về việc chia đôi tài sản chung là nền nhà 106,2m^2 thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 15 và căn nhà trên đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và 01 cái tủ nhôm đựng quần áo, 01 cái giường. Anh H nhận tài sản và có trách nhiệm giao trả cho chị X ½ giá trị là 100.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị V về việc thu hồi diện tích đất 106,2m^2 thuộc thửa 14 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp để chuyển quyền đất qua cho anh H theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T về việc thống nhất di dời 0,2m^2 nhà tắm lấn qua ranh đất của anh H, để anh H tiếp tục sử dụng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu chia 05 chỉ vàng 18 kara.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Cở E:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà X về việc thống nhất mỗi người trả cho ông Cở E 5.000.000 đồng.

Đối với số nợ mà anh H cho rằng có nợ chị Nguyễn Thị Ngọc T do không tìm được địa chỉ của chị T nên tách phần nợ này để giải quyết sau, khi chị T có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, đơn phản tố của bị đơn nộp trực tiếp tại Tòa án về việc yêu cầu chia tài sản

chung sau khi ly hôn, đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán. Người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên xét thấy đây là tranh chấp theo quy định tại Điều 26, 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại huyện Tân Hồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích X:

Đối với yêu cầu anh Trần Văn H chia 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 theo tờ thỏa thuận ngày 22-5-2017. Tại phiên tòa anh H thống nhất chia cho chị X số vàng trên, nên ghi nhận sự tự nguyện này của anh H về việc thống nhất chia cho chị X 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 theo tờ thỏa thuận.

Đối với yêu cầu chia nền nhà 90m^2 tọa lạc ấp 2, xã C, tại phiên tòa hôm nay chị X xin rút không yêu cầu trong vụ án này, nên đình chỉ đối với yêu cầu này của chị X.

- Xét yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Văn H:

Đối với yêu cầu chia đôi tài sản chung là nền nhà diện tích 106,2m^2 và căn nhà gỗ cất trên đất thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trong nhà gồm: 01 cái tủ nhôm đựng quần áo, 01 cái giường gỗ, 02 cái chuồng heo và các vật kiến trúc, cây trồng gắn liền với đất.

Xét thấy cả anh H và chị X đều thống nhất tài sản trên là tài sản chung của anh H và chị X trong thời kỳ hôn nhân, nhưng chưa chia tài sản. Nay anh H và chị X thống nhất tổng giá trị các tài sản trên là 200.000.000 đồng, anh H nhận tài sản và đồng ý chia cho chị X ½ giá trị. Chị X thống nhất nhận giá trị và tự nguyện thống nhất di dời giao toàn bộ tài sản trên cho anh H. Do đó, ghi nhận sự tự nguyên này của chị X và anh H, anh H được chia tài sản là nền nhà diện tích 106,2m^2 và căn nhà gỗ cất trên đất thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trong nhà gồm: 01 cái tủ nhôm đựng quần áo, 01 cái giường gỗ, 02 cái chuồng heo và các vật kiến trúc, cây trồng gắn liền với đất. Chị X có nghĩa vụ di dời giao trả toàn bộ tài sản trên cho anh H. Anh H có nghĩa vụ chia cho chị X ½ giá trị tài sản trên là 100.000.000 đồng.

Đối với phần đất nền nhà 106,2m^2 ông S, bà V đều thống nhất là đất của vợ chồng ông bà khai mở và đã bán cho chị X, anh H nên đây là đất của chị X, anh H và ông bà đồng ý chuyển quyền qua cho anh H diện tích đất trên và thống nhất thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để cấp lại cho anh H theo quy định. Nên ghi nhận sự tự nguyện này của ông S, bà V. Ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị V có nghĩa vụ chuyển quyền diện tích đất trên qua cho anh H và thu hồi một phần diện tích 106,2m^2 đất thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho anh H.

Đối với phần diện tích 0,2m^2 thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 15 mà bà Trần Thị T đã xây nhà tắm lấn qua ranh đất trên của chị X, anh H, nay bà T thống nhất di dời để trả lại phần đất cho anh H, nên ghi nhận sự tự nguyện này của bà T. Bà T phải có nghĩa vụ di dời nhà vệ sinh 0,2m gồm các mốc từ M1 đến M8 để trả lại phần đất cho anh H.

Đối với yêu cầu chị X chia đôi 05 (Năm) chỉ vàng 18 kara, tại phiên tòa anh H rút không yêu cầu trong vụ án này, nên đình chỉ đối với yêu cầu này của anh H.

- Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Cở E: Về việc yêu cầu chị X và anh H mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông 5.000.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp. Tại phiên tòa hôm nay chị X và anh H thống nhất theo yêu cầu, nên ghi nhận sự tự nguyện này của anh H và chị X. Anh H, chị X mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Cở E 5.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà anh Trần Văn H cho rằng thiếu chị Nguyễn Thị Ngọc T, nhưng hiện nay không tìm được địa chỉ của chị T. Do đó khi nào chị T có yêu cầu sẽ khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do anh Trần Văn H đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.648.000 đồng, nên chị X phải có nghĩa vụ trả lại cho anh H 826.000 đồng.

Về chi phí định giá do chị Nguyễn Thị Bích X đã nộp chi phí định giá là 1.000.000 đồng, nên anh H phải có nghĩa vụ trả lại cho chị X là 500.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn H chia cho chị X 20 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia phần đất nền nhà 5m x 15m tọa lạc tại ấp 2, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Bích X về việc chia đôi tài sản chung là nền nhà 106,2m^2 thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 15 và căn nhà trên đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và 01 cái tủ nhôm đựng quần áo, 01 cái giường. Anh H nhận tài sản và có trách nhiệm giao trả cho chị X ½ giá trị là 100.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị V về việc thu hồi diện tích đất 106,2m^2 thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp để chuyển quyền đất qua cho anh H theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T về việc thống nhất di dời 0,2m^2 nhà tắm lấn qua ranh đất của anh H, để anh H tiếp tục sử dụng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu chia 05 chỉ vàng 18 kara.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Cở E.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà X về việc thống nhất mỗi người trả cho ông Cở E 5.000.000 đồng.

Đối với số nợ mà anh H cho rằng có nợ chị Nguyễn Thị Ngọc T do không tìm được địa chỉ của chị T nên tách phần nợ này để giải quyết sau, khi chị T có yêu cầu.

Từ những phân tích trên nên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh H phải chịu án phí trên phần các nghĩa vụ giao trả cho chị X 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 là 5.150.000 đồng. Chịu án phí trên phần tài sản được chia 100.000.000 đồng là 5.000.000 đồng. Chịu án phí trên phần nghĩa vụ trả tiền cho ông Cở E 5.000.000 đồng là 150.000 đồng. Tổng cộng là 10.300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000đồng theo biên lai 0001979 ngày 08-8-2018 thì anh H còn phải nộp là 7.050.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Bích X phải chịu án phí trên phần tài sản được chia là 100.000.000 đồng là 5.000.000 đồng. Án phí trên phần nghĩa vụ trả nợ cho ông Cở E 5.000.000 đồng là 150.000 đồng. Phần án phí tự nguyện nộp thay cho bà T là 300.000 đồng. Vậy tổng cộng là 5.450.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.075.000 đồng theo biên lai thu số 0001816 ngày

26-4-2018 và 0002234 ngày 21-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng thì chị X còn phải nộp là 3.375.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Cở E không phải chịu án phí hoàn trả lại cho ông Cở E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008151 ngày 09-7-2019.

Ông Nguyễn Văn , bà Lê Thị V, bà Trần Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5; 26; 28, 35; 39; 91, 92, 147, 186, 188, 189, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 33, 37, 38 Luật Hôn nhân và Gia đình .

- Căn cứ các Điều 213, 430, 440 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích X về việc yêu cầu chia 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8.

Buộc anh Trần Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích X 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Văn H về việc chia tài sản chung đối với chị Nguyễn Thị Bích X.

Anh Trần Văn H được sở hữu diện tích đất 106,2m^2 thuộc một phần thửa 14, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp hiện do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ căn nhà gỗ cất trên đất (kết cấu vách tol, mái tol, sàn lót gỗ) và các tài sản gồm 01 cái tủ nhôm đựng quần áo, 01 cái giường gỗ, 02 cái chuồng heo và các vật kiến trúc, cây trồng gắn liền với đất. Chị Nguyễn Thị Bích X có nghĩa vụ di dời ra khỏi phần đất và nhà trên để giao trả lại cho anh Trần Văn H. Gồm các Mốc từ M1-2-3-4-5-6-7-8 về M1 (theo mãnh trích đo ngày 03-4-2019 và sơ đồ mốc ngày 26-02-2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hồng).

Anh Trần Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích X ½ giá trị tài sản nhà đất và các tài sản trên đất với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ di dời nhà vệ sinh 0,2m thuộc một phần thửa 14 tờ bản đồ số 15 gồm các mốc từ M1 đến M8 (theo mãnh trích đo ngày

03-4-2019 và sơ đồ mốc ngày 26-02-2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hồng) ra khỏi phần đất trên để trả lại cho anh Trần Văn H.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn S đối với diện tích đất 106,2m^2 thuộc một phần thửa số 14, tờ bản đồ số 15 gồm các mốc từ M1-2-3-4-5-6-7-8 về M1 (theo mãnh trích đo ngày 03-4-2019 và sơ đồ mốc ngày 26-02-2019 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hồng) để cấp lại cho anh Trần Văn H.

Anh Trần Văn H được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất (diện tích 106,2m^2) theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26-02-2019 và mãnh trích đo ngày 03-4-2019 và sơ đồ mốc ngày 26-02-2019 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hồng).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Cở E.

Buộc anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Bích X mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Cở E số tiền vật tư nông nghiệp là 5.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Thị Bích X về việc yêu cầu chia phần đất tọa lạc tại ấp 2, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Văn H đối với yêu cầu chia 05 chỉ vàng 18 kara.

- Về chi phí thẩm định: Chị Nguyễn Thị Bích X phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Văn H 826.000 đồng.

- Về chi phí định giá: Anh Trần Văn H phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích X 500.000đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn H phải chịu án phí 10.300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng theo biên lai 0001979 ngày 08-8-2018 thì anh H còn phải nộp là 7.050.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Bích X phải chịu án phí 5.450.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.075.000đồng theo biên lai thu số 0001816 ngày 26-4-2018 và 0002234 ngày 21-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng thì chị X còn phải nộp là 3.375.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Cở E không phải chịu án phí hoàn trả lại cho ông Cở E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008151 ngày 09-7-2019.

Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị V không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-11-2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Ngọc Oanh